

PHIẾU ÔN TẬP CUỐI TUẦN 5

Mục tiêu: ✓ Hỗn số
✓ Phân số thập phân
✓ Số thập phân

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Có bao nhiêu câu **đúng** trong các câu sau?

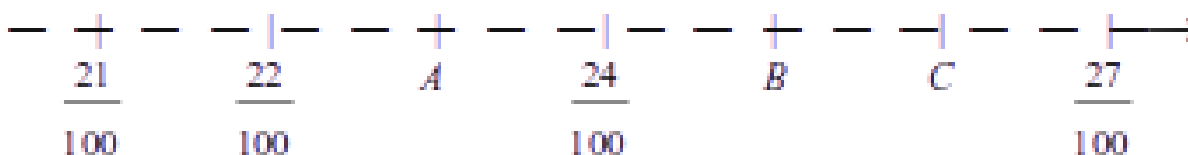
- Một hỗn số gồm hai phần là phần nguyên và phần thập phân.
- Phần phân số của hỗn số bao giờ cũng bé hơn 1.
- Một số thập phân gồm hai phần là phần nguyên và phần thập phân.
- Các phân số thập phân có mẫu số là 0, 10, 100, 1 000, ...

A. 1 **B. 2** **C. 3** **D. 4**

Câu 2. Số nào dưới đây là hỗn số?

A. $\frac{6}{5}$ **B.** $8\frac{4}{7}$ **C.** 2,8 **D.** $3\frac{6}{5}$

Câu 3. Phân số thập phân thích hợp để điền vào vị trí C trên tia số sau là:



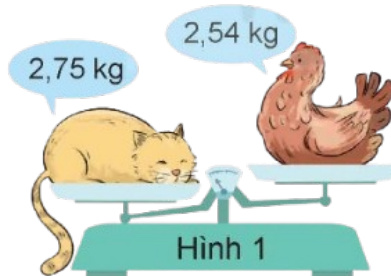
A. $\frac{13}{50}$ **B.** $\frac{23}{100}$ **C.** $\frac{26}{100}$ **D.** $\frac{25}{100}$

Câu 4. Chiếc bút màu dài:



- A. 0,5 dm B. 4 dm C. 5 dm D. 0,4 dm

Câu 5. Quan sát bức tranh và cho biết cân nặng của con mèo là:



- A. Hai phẩy bảy mươi lăm ki-lô-gam B. Hai phẩy bảy mươi năm ki-lô-gam
 C. Hai phẩy năm mươi tư ki-lô-gam D. Hai phẩy lăm mươi tư ki-lô-gam

Câu 6. Số thập phân thích hợp điền vào chỗ trống sau là:

$$255 \text{ ml} = \frac{255}{1000} \text{ l} = \dots\dots\dots \text{ l}$$

- A. 0,255 B. 0,51 C. 0,525 D. 0,15

Câu 7. Từ bốn thẻ $\boxed{0}$, $\boxed{2}$, $\boxed{5}$, $\boxed{,}$ lập được bao nhiêu số thập phân có phần nguyên gồm một chữ số, phần thập phân gồm hai chữ số.

- A. 2 B. 4 C. 6 D. 3

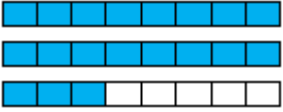

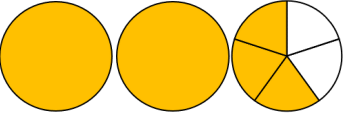
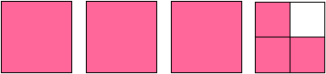
Câu 8. Chọn đáp án sai.

Cô Ánh có 12 túi kẹo, mỗi túi có 10 viên kẹo. Cô chia đều số kẹo đó cho 10 bạn. Vậy mỗi bạn nhận được:

- A. $1\frac{2}{10}$ túi kẹo B. 12 viên kẹo C. $\frac{12}{10}$ túi kẹo D. $\frac{12}{10}$ viên kẹo

PHẦN II. TỰ LUẬN

Bài 1. Hoàn thành bảng sau.

	Hỗn số chỉ phần tô màu trong hình vẽ			
Hình vẽ	Phần nguyên	Phần phân số	Viết	Đọc
				
				
				
				

Bài 2. Chuyển các hỗn số sau thành phân số (theo mẫu)

Mẫu: $2\frac{3}{5} = \frac{2 \times 5 + 3}{5} = \frac{13}{5}$

a) $5\frac{4}{7}$

b) $8\frac{1}{6}$

c) $2\frac{7}{10}$

d) $3\frac{18}{100}$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 3. Chọn phân số thập phân thích hợp với các đọc phân số thập phân đó.

a) Chọn số thập phân thích hợp với cách đọc số thập phân đó.



Ba trăm tám mươi hai phẩy sáu



Năm phẩy một trăm linh chín



Không phẩy tám trăm ba mươi lăm



b) Chỉ ra phần nguyên và phần phân thập phân của các số thập phân ở câu a.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 6. Chuyển các phân số thập phân sau thành số thập phân.

$$\frac{2}{10}, \frac{9}{10}, \frac{6}{100}, \frac{38}{100}, \frac{43}{1000}$$

.....

.....

.....

.....
.....
.....
.....
.....
Bài 7. Chuyển các số thập phân sau thành phân số thập phân.



ĐÁP ÁN – PHIẾU ÔN TẬP CUỐI TUẦN 5

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM

Câu	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8
Đáp án	B	B	C	D	A	A	C	D

Câu 1. Đáp án đúng là: B

- ☐ Một hỗn số gồm hai phần là phần nguyên và **phần thập phân**. **S**
- ☐ Phần phân số của hỗn số bao giờ cũng bé hơn 1. **Đ**
- ☐ Một số thập phân gồm hai phần là phần nguyên và phần thập phân. **Đ**
- ☐ Các phân số thập phân có mẫu số là **0**, 10, 100, 1 000, ... **S**

Giải thích:

- ☐ Một hỗn số gồm hai phần là phần nguyên và **phần phân số**.
- ☐ Các phân số thập phân có mẫu số là 10, 100, 1 000, ...

Vậy trong các câu đã cho, có 2 câu đúng.

Câu 2. Đáp án đúng là: B

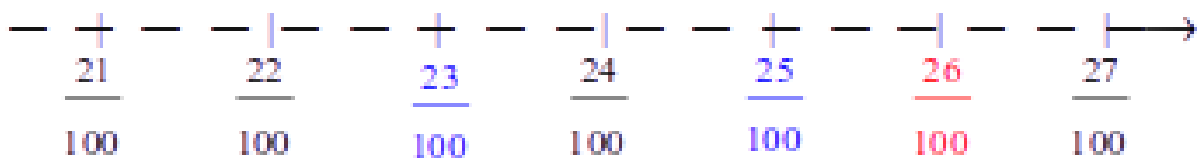
A. $\frac{6}{5}$ là phân số

B. $8\frac{4}{7}$ là một hỗn số

C. 2,8 là số thập phân

D. $3\frac{6}{5}$ không là hỗn số vì phần phân số lớn hơn 1

Câu 3. Đáp án đúng là: C



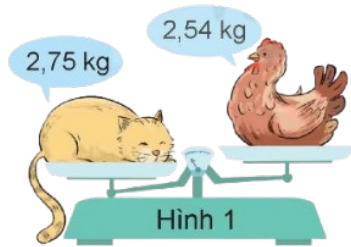
Phân số thập phân thích hợp để điền vào vị trí C trên tia số sau là: $\frac{26}{100}$

Câu 4. Đáp án đúng là: D



Quan sát hình vẽ ta thấy, chiếc bút chì dài 4 cm = $\frac{4}{10}$ dm = 0,4 dm

Câu 5. Đáp án đúng là: A



Quan sát hình vẽ ta thấy, con mèo cân nặng 2,75 kg: hai phẩy bảy mươi lăm ki-lô-gam

Câu 6. Đáp án đúng là: A

Ta có: $\frac{255}{1000} = 0,255$

$$255 \text{ ml} = \frac{255}{1000} \text{ l} = 0,255 \text{ l}$$

Vậy số thập phân thích hợp để điền vào chỗ trống là: 0,255

Câu 7. Đáp án đúng là: C

Từ bốn thẻ $\boxed{0}$, $\boxed{2}$, $\boxed{5}$, $\boxed{,}$ lập được các số thập phân có phần nguyên gồm một chữ số, phần thập phân gồm hai chữ số là:

$$0,25; 0,52; 2,05; 2,50; 5,02; 5,20$$

Vậy lập được 6 số thỏa mãn yêu cầu đã cho.

Câu 8. Đáp án đúng là: D

□ Tính số phần túi kẹo mỗi bạn nhận được:

Mỗi bạn nhận được số phần túi kẹo là:

$$12 : 10 = \frac{12}{10} = 1\frac{2}{10} \text{ (túi kẹo)}$$

□ Tính số viên kẹo mỗi bạn nhận được:

Cô Ánh có tất cả số kẹo là:

$$10 \times 12 = 120 \text{ (viên kẹo)}$$

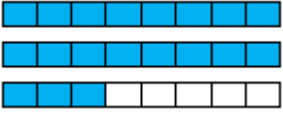

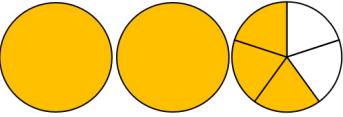
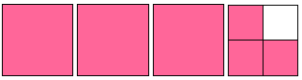
Mỗi bạn nhận được số viên kẹo là:

$$120 : 10 = 12 \text{ (viên kẹo)}$$

Vậy đáp án sai là D.

PHẦN II. TỰ LUẬN

Bài 1.

Hình vẽ	Hỗn số chỉ phần tô màu trong hình vẽ			
	Phần nguyên	Phần phân số	Viết	Đọc
	2	$\frac{3}{8}$	$2\frac{3}{8}$	Hai và ba phần tám
	1	$\frac{1}{2}$	$1\frac{1}{2}$	Một và một phần hai
	2	$\frac{3}{5}$	$2\frac{3}{5}$	Hai và ba phần năm
	3	$\frac{3}{4}$	$3\frac{3}{4}$	Ba và ba phần tư

Bài 2.

a) $5\frac{4}{7} = \frac{5 \times 7 + 4}{7} = \frac{39}{7}$

b) $8\frac{1}{6} = \frac{8 \times 6 + 1}{6} = \frac{49}{6}$

c) $2\frac{7}{10} = \frac{2 \times 10 + 7}{10} = \frac{27}{10}$

d) $3\frac{18}{100} = \frac{3 \times 100 + 18}{100} = \frac{318}{100}$

Bài 3. Chọn phân số thập phân thích hợp với các đọc phân số thập phân đó.

Hai mươi tám phần một
trăm

$\frac{632}{1000}$

Bảy phần mười
Sáu trăm ba mươi hai phần một nghìn
Hai trăm sáu mươi ba phần một nghìn

$\frac{28}{100}$
$\frac{263}{1000}$
$\frac{7}{10}$

Bài 4.

a) $\frac{3}{5} = \frac{3 \times 2}{5 \times 2} = \frac{6}{10}$

$\frac{15}{20} = \frac{15 \times 5}{20 \times 5} = \frac{75}{100}$

$\frac{9}{8} = \frac{9 \times 125}{8 \times 125} = \frac{1125}{1000}$

b) $\frac{18}{60} = \frac{18 : 6}{60 : 6} = \frac{3}{10}$

$\frac{51}{300} = \frac{51 : 3}{300 : 3} = \frac{17}{100}$

$\frac{36}{75} = \frac{36 : 3}{75 : 3} = \frac{12}{25} = \frac{12 \times 4}{25 \times 4} = \frac{48}{100}$

Bài 5.

a)



Ba trăm tám mươi hai phẩy sáu



Năm phẩy một trăm linh chín





Không phải tám trăm ba mươi lăm



b) Chỉ ra phần nguyên và phần thập phân của các số thập phân ở câu **a**.

Số 5,109 có 5 là phần nguyên, 109 là phần thập phân.

Số 0,835 có 0 là phần nguyên, 835 là phần thập phân.

Số 382,6 có 382 là phần nguyên, 6 là phần thập phân.

Bài 6.

$$\frac{2}{10} = 0,2$$

$$\frac{9}{10} = 0,9$$

$$\frac{6}{100} = 0,06$$

$$\frac{38}{100} = 0,38$$

$$\frac{43}{1000} = 0,043$$

Bài 7.

$$0,6 = \frac{6}{10}$$

$$0,08 = \frac{8}{100}$$

$$0,85 = \frac{85}{100}$$

$$0,273 = \frac{273}{1000}$$



→ Mời bạn QUYẾT MÃ ZALO vào nhóm zalo Giáo án điện tử lớp 12345 miễn phí